

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 01: Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2020-2030.

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ TỈNH BR-VT

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban quản lý Rừng phòng hộ tỉnh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí Điều chỉnh, bổ sung Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, giai đoạn 2020-2030;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-SNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện Điều chỉnh, bổ sung Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, giai đoạn 2020-2030.

Xét tờ trình số 227/TTr-XDS9 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH Thiết kế thi công XD Số 9 VT và Báo cáo thẩm định số 723/BCTĐ-ĐTGT ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Giao thông Bà Rịa-Vũng Tàu.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu 01: Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2020-2030 với những nội dung chủ yếu sau:

E-HSMT được lập theo mẫu số 6A thông tư 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư gồm 3 Phần, 8 chương:

1. Nội dung chính của hồ sơ mời thầu:

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:

Đính kèm phụ lục tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu 01: Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2020-2030.

Điều 2. Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Công ty TNHH Thiết kế thi công XD Số 9 VT và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Giao thông Bà Rịa-Vũng Tàu có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Công ty TNHH Thiết kế thi công XD Số 9 VT và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Giao thông Bà Rịa-Vũng Tàu và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban lãnh đạo;
- Kế toán trưởng (đ/b);
- Lưu: VT, HCTH, Ly(2b), Vân, Hà.



Nguyễn Duy Bắc



PHỤ LỤC

Đính kèm theo Quyết định số 05/QĐ-BQLRPH-KV3 ngày 29/07/2025 của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 01: Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2020-2030

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	10		
1	<p>(a) Từ ngày 01/01/2021 đến trước thời điểm đóng thầu, đã thực hiện và hoàn thành hợp đồng tương tự gói thầu đang xét: Tư vấn lập hoặc Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Phương án quản lý rừng bền vững, Trong đó, có các nội dung: ⁽¹⁾Thu thập, tổng hợp căn cứ xây dựng phương án; ⁽²⁾Thu thập, đánh giá đặc điểm hiện trạng của đơn vị; ⁽³⁾Phân tích mục tiêu, nội dung và hiệu quả phương án; ⁽⁴⁾Tổ chức thực hiện.</p> <p>* Lưu ý: Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành; Trường hợp nhà thầu chứng minh hợp đồng với hình thức liên danh chỉ tính giá trị phần nhà thầu thực hiện trong liên danh.</p>	8	<p>* Có ≥ 03 hợp đồng: 8 điểm; * Có 02 hợp đồng: 5 điểm; * Có 01 hợp đồng: 3 điểm; * Không có hợp đồng: 0 điểm.</p>	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>* Tài liệu chứng minh: + Hợp đồng tư vấn và các phụ lục (nếu có); + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác tư vấn hoặc văn bản có xác nhận của Chủ đầu tư.</p>			
	<p>b) Các yếu tố khác⁽²⁾ Yếu tố kinh nghiệm của hợp đồng tương tự được nêu tại điểm (a) mục 1. Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu được yêu cầu như sau.</p>	2	<p>Hợp đồng đáp ứng nếu có: - Có ≥ 02 hợp đồng Tư vấn lập hoặc Tư vấn điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững tại Rừng (được thực hiện tại rừng bền vững, rừng thiên nhiên) như gói thầu của dự án có quy mô 10.000 ha trở lên: 2 điểm. - Có 01 hợp đồng Tư vấn lập hoặc Tư vấn Điều chỉnh, bổ sung Phương án quản lý rừng bền vững tại Rừng (được thực hiện tại rừng bền vững, rừng thiên nhiên) như gói thầu của dự án có quy mô 10.000 ha trở lên: 1 điểm. - Không có là: 0 điểm tại mục này.</p>	-
2	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu⁽³⁾ (5% tổng số điểm)</p>	5		
2.1	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p>	5	<p>- Nhà thầu có bản cam kết đảm bảo về Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì đạt 5 điểm. - Cứ có một hợp đồng vi phạm về uy tín hoặc không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không có đầy đủ nội dung theo quy định thì 0 điểm. * Lưu ý: Nhà thầu phải cam kết chính xác, trung thực.</p>	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			<i>Trường hợp bên mời thầu phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp E-HSĐT không đính kèm bản cam kết, bên mời thầu sẽ không yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSĐT.</i>	
3	Giải pháp và phương pháp luận <i>(Từ 30 đến 40% tổng số điểm)</i>	35		24,5
	a) <i>Hiểu rõ mục đích gói thầu</i> Nhà thầu hiểu rõ mục đích gói thầu theo các điều khoản tham chiếu: Trình bày am hiểu đúng về phạm vi, quy mô dự án, gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu.	7	- <i>Đáp ứng đầy đủ: 7 điểm</i> - <i>Đáp ứng tương đối đầy đủ (thiếu một nội dung yêu cầu hoặc trình bày không đúng không phù hợp một nội dung) từ 3,5 đến 4,9 điểm</i> - <i>Am hiểu không đầy đủ hoặc sơ sài, thiếu hiểu biết: Từ 0 đến 3 điểm.</i>	4,9
	b) <i>Cách tiếp cận và phương pháp luận</i> Nhà thầu căn cứ các điều khoản tham chiếu để trình bày cách tiếp cận và phương pháp thực hiện gồm: + Công tác nghiên cứu hồ sơ pháp lý, chuẩn bị tài liệu. + Các giải pháp thu thập tài liệu nhằm nắm rõ tình hình điều kiện địa lý tự nhiên, khí hậu - xã hội - lịch sử - hạ tầng kỹ thuật ảnh hưởng, ... của khu vực dự án từ đó thuyết minh giải pháp phù hợp yêu cầu nhiệm vụ (tại chương V) và hiệu quả. + Tìm hiểu, nghiên cứu để am hiểu tình hình thực trạng của dự án từ đó thuyết minh đánh giá đúng, đầy đủ và đề xuất các biện pháp phù hợp yêu cầu nhiệm vụ (tại chương V).	10	- <i>Trình bày đáp ứng đầy đủ: 10 điểm</i> - <i>Đáp ứng tương đối đầy đủ (thiếu một nội dung yêu cầu hoặc trình bày không đúng không phù hợp một nội dung): Từ 5 đến 7 điểm.</i> - <i>Trình bày sơ sài, thiếu hiểu biết về thực trạng dự án: Từ 0 đến 4 điểm.</i>	7
	c) <i>Sáng kiến cải tiến</i> Có đề xuất sáng kiến, cải tiến nâng cao chất lượng trong công tác tư vấn, đảm bảo tiến độ.	2	- <i>Có sáng kiến hợp lý: 2 điểm.</i> - <i>Có sáng kiến nhưng chưa hợp lý: 1 đến 1,4 điểm.</i> - <i>Sáng kiến không hợp lý, khả thi hoặc không trình bày: 0 đến 0,7 điểm.</i>	1,4
	d) <i>Cách trình bày</i> Trình bày hồ sơ dự thầu khoa học, hợp lý, logic, hoàn chỉnh, rõ ràng dễ đọc và thuyết phục	2	- <i>Đáp ứng đầy đủ: 2 điểm</i> - <i>Đáp ứng tương đối đầy đủ: từ 1 đến 1,4 điểm</i> - <i>Trình bày, lộn xộn không rõ</i>	1,4

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			ràng, không khoa học logic từ 0 đến 0,7 điểm	
	<p><i>đ) Kế hoạch triển khai</i> Kế hoạch triển khai được mô tả cụ thể, rõ ràng bao gồm tất cả các nhiệm vụ, kế hoạch triển khai phù hợp với biện pháp, giải pháp và tiến độ; Có đầy đủ các bảng, biểu mô tả kế hoạch chi tiết thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo; kế hoạch triển khai đầy đủ khoa học và hoàn chỉnh.</p>	7	<ul style="list-style-type: none"> - ⁽¹⁾Đáp ứng đầy đủ rõ ràng: 7 điểm - ⁽²⁾Đáp ứng tương đối đầy đủ (thiếu một nội dung/công việc yêu cầu hoặc trình bày không đúng không phù hợp một nội dung/công việc): Từ 3 đến 4,9 điểm. - Kế hoạch triển khai không đầy đủ, không thuyết phục (không thuộc (2)): Từ 0 đến 2,5 điểm 	4,9
	<p><i>e) Bố trí nhân sự</i> + Nhà thầu đề xuất số lượng và trình độ chuyên môn của chuyên gia phù hợp với nhiệm vụ gói thầu và kế hoạch đề xuất theo tiến độ yêu cầu (75 ngày). + Các công việc được phân chia cụ thể hợp lý và phù hợp với nhiệm vụ gói thầu, kế hoạch đề xuất, tiến yêu cầu; có bảng phân công công việc cụ thể cho từng chuyên gia thực hiện, có thuyết minh đầy đủ, phù hợp.</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> - ⁽¹⁾Đáp ứng đầy đủ rõ ràng: 4 điểm - ⁽²⁾Đáp ứng tương đối đầy đủ (thiếu một nội dung/công việc của 1 chuyên gia bất kỳ theo nội dung nhiệm vụ của gói thầu hoặc trình bày không đúng không phù hợp một nội dung/công việc của một chuyên gia nào đó): Từ 2,0 đến 2,8 điểm - Không đầy đủ (không thuộc⁽²⁾): Từ 0 đến 2 điểm 	2,8
	<p><i>g) Các yếu tố khác</i> Nhà thầu có đề xuất trang thiết bị và phương tiện chủ yếu làm việc của nhà thầu khả thi để phục vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm của gói thầu hiệu quả, kể cả thiết bị có liên quan đến phương pháp sáng kiến cải tiến do nhà thầu đề xuất (nếu có). Có danh sách liệt kê loại, số lượng đáp ứng yêu gói thầu. Thông tin được rõ ràng, cụ thể: Tình trạng hoạt thiết bị, sở hữu của nhà thầu hay thuê và khả năng huy động; Nhà thầu phải có thuyết minh cụ thể từng trang thiết bị, phương tiện được đề xuất phục vụ công việc/nội dung gì thuộc phạm vi nhiệm vụ của gói thầu, dự kiến thời gian phục vụ phù hợp với kế hoạch đề xuất của nhà thầu ^(*)Nhà thầu phải đính kèm hồ sơ tài liệu chứng minh thuộc sở hữu của nhà thầu. Trường hợp đi thuê/mượn phải có hợp đồng thuê/mượn và tài liệu chứng minh.</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> - ⁽¹⁾Có đề xuất phù hợp, có thuyết minh đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ của gói thầu: 3 điểm. - ⁽²⁾Có thuyết minh đầy đủ, không phù hợp một trong các thiết bị, phương tiện được đề xuất với nhiệm vụ của gói thầu: từ 1,0 đến 2,1 điểm - ⁽³⁾không đáp ứng (2): Từ 0 đến 1 điểm. 	2,1
4	<p>Nhân sự chủ chốt⁽⁴⁾ <i>(Từ 50 đến 60% tổng số điểm)</i></p>	50		

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.0	Vị trí	Số lượng		
4.1	Chủ nhiệm/Tư vấn trưởng dự án	01	14	9,8
4.1.1	Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Lâm sinh hoặc Lâm học hoặc Quản lý tài nguyên rừng. Có chứng chỉ tư vấn xây dựng dự án lâm sinh hoặc giám sát dự án lâm sinh, còn hiệu lực. Lưu ý: Nhân sự không đáp ứng ở mục 4.1.1 thì sẽ không đánh giá ở mục 4.1.2 và 4.1.3.			
4.1.2	Số năm kinh nghiệm chuyên môn (tính từ thời điểm cấp bằng đại học trở lên). * Mức 1: > 10 năm; * Mức 2: 5 đến ≤ 10 năm; * Mức 3: < 5 năm.		4	* Mức 1: 4 điểm; * Mức 2: 2,8 điểm; * Mức 3: 0 điểm.
4.1.3	Kinh nghiệm đã làm hoàn thành cho gói thầu tương tự nêu tại điểm (a) mục 1. Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, với vai trò Chủ nhiệm/Tư vấn trưởng dự án. * Mức 1: Có ≥ 02 gói thầu; * Mức 2: Có 01 gói thầu; * Mức 3: Không có gói thầu nào. Tài liệu chứng minh: + Hợp đồng tư vấn và các phụ lục (nếu có); + Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản quyết toán hợp đồng hoàn thành hoặc văn bản có xác nhận của Chủ đầu tư có tên nhân sự đảm nhiệm vị trí phù hợp với vị trí đề xuất hoặc tài liệu để chứng minh vai trò nhân sự đáp ứng yêu cầu.		10	* Mức 1: 10 điểm; * Mức 2: 7 điểm; * Mức 3: 0 điểm.
4.2	Chuyên gia trong các lĩnh vực: (Điều tra hiện trạng rừng; Xây dựng bản đồ; Xây dựng cơ sở dữ liệu) (Mỗi người 1/2 số điểm, được phân đều cho các tiêu chí yêu cầu)	2	12	8,4
4.2.1	Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Lâm sinh hoặc Lâm học hoặc Quản lý tài nguyên rừng. * Lưu ý: Nhân sự không đáp ứng ở mục 4.2.1 thì sẽ không đánh giá ở mục 4.2.2 và 4.2.3.			
4.2.2	Số năm kinh nghiệm chuyên môn (tính từ thời điểm cấp bằng đại học trở lên). * Mức 1: > 5 năm;		4	* Mức 1: 4 điểm; * Mức 2: 2,8 điểm; * Mức 3: 0 điểm.

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<ul style="list-style-type: none"> * Mức 2: 3 đến ≤ 5 năm; * Mức 3: < 3 năm. 			
4.2.3	<p>Kinh nghiệm đã làm hoàn thành cho gói thầu tương tự nêu tại điểm (a) mục 1. Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, với vai trò Chuyên gia trong các lĩnh vực: (Điều tra hiện trạng rừng; Xây dựng bản đồ; Xây dựng cơ sở dữ liệu).</p> <ul style="list-style-type: none"> * Mức 1: Có ≥ 02 gói thầu; * Mức 2: Có 01 gói thầu; * Mức 3: Không có gói thầu nào. <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng tư vấn và các phụ lục (nếu có); + Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản quyết toán hợp đồng hoàn thành hoặc văn bản có xác nhận của Chủ đầu tư có tên nhân sự đảm nhiệm vị trí phù hợp với vị trí đề xuất hoặc tài liệu để chứng minh vai trò nhân sự đáp ứng yêu cầu. 	8	<ul style="list-style-type: none"> * Mức 1: 8 điểm; * Mức 2: 5,6 điểm; * Mức 3: 0 điểm. 	
4.3	Cán bộ kỹ thuật (mỗi người 1/4 số điểm, được phân đều cho các tiêu chí yêu cầu)	4	24	16,8
4.3.1	<p>Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 người có chuyên ngành Lâm nghiệp hoặc Lâm sinh hoặc Lâm học hoặc Quản lý tài nguyên rừng. - 02 người có chuyên ngành Tài nguyên môi trường hoặc Địa lý học, hoặc Bản đồ - Viễn thám – GIS hoặc Trắc địa bản đồ hoặc Địa chính. <p>* Lưu ý: Nhân sự không đáp ứng ở mục 4.3.1 thì sẽ không đánh giá ở mục 4.3.2 và 4.3.3.</p>			
4.3.2	<p>Số năm kinh nghiệm chuyên môn (tính từ thời điểm cấp bằng đại học trở lên).</p> <ul style="list-style-type: none"> * Mức 1: > 5 năm; * Mức 2: 3 đến ≤ 5 năm; * Mức 3: < 3 năm. 	8	<ul style="list-style-type: none"> * Mức 1: 8 điểm; * Mức 2: 5,6 điểm; * Mức 3: 0 điểm. 	
4.3.3	<ul style="list-style-type: none"> * Kinh nghiệm đã làm hoàn thành cho gói thầu tương tự nêu tại điểm (a) mục 1. Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, với vai trò là Cán bộ kỹ thuật. * Mức 1: Có ≥ 02 gói thầu; * Mức 2: Có 01 gói thầu; 	16	<ul style="list-style-type: none"> * Mức 1: 16 điểm; * Mức 2: 11,2 điểm; * Mức 3: 0 điểm. 	

Stt	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	* <i>Mức 3: Không có gói thầu nào. Tài liệu chứng minh: + Hợp đồng tư vấn và các phụ lục (nếu có); + Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản quyết toán hợp đồng hoàn thành hoặc văn bản có xác nhận của Chủ đầu tư có tên nhân sự đảm nhiệm vị trí phù hợp với vị trí đề xuất hoặc tài liệu để chứng minh vai trò nhân sự đáp ứng yêu cầu.</i>			
5	Yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)	0		
5.1	Yêu cầu về chuyển giao công nghệ: Không yêu cầu	0		
	Tổng cộng (100%)			

2. Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

- Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá ¹

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này.

có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 80%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20%;

+ $K + G = 100\%$;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.